

Số: 03/TB-HĐXTH

An Giang, ngày 10 tháng 11 năm 2020

THÔNG BÁO
Về việc tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp
giáo viên mầm non năm 2020

Căn cứ Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức và Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 12/2012/TT-BNV ngày 18 tháng 12 năm 2012 của Bộ Nội vụ quy định về chức danh nghề nghiệp và thay đổi chức danh nghề nghiệp đối với viên chức; Thông tư số 03/2019/TT-BNV ngày 14/5/2019 của Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và Thông tư số 28/2017/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 11 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định tiêu chuẩn, điều kiện, nội dung, hình thức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, phổ thông công lập;

Căn cứ Kế hoạch số 2713/KH-SGDĐT ngày 12/10/2020 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở năm 2020, Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp thông báo về việc tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp (CDNN) giáo viên mầm non năm 2020 như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU:

1. Mục đích:

- Nhằm chuẩn hóa chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non đáp ứng yêu cầu phân công, bố trí theo Đề án vị trí việc làm của các cơ sở giáo dục mầm non công lập đã được phê duyệt.

- Đảm bảo quyền lợi của đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục đang trực tiếp giảng dạy, giáo dục trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập và không ngừng nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý ngành giáo dục và đào tạo của tỉnh.

2. Yêu cầu:

- Việc cử đối tượng dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp phải căn cứ vào vị trí việc làm, cơ cấu chức danh nghề nghiệp, nhu cầu của các cơ sở giáo dục công lập và tình hình thực tế của địa phương.

- Đối tượng được tham dự xét thăng hạng từ hạng thấp lên hạng cao hơn liền kề cùng chức danh nghề nghiệp đang giữ.

- Đối tượng dự xét thăng hạng phải có đủ hồ sơ và các minh chứng theo quy định. Đối với các tiêu chuẩn, tiêu chí không có minh chứng là các văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận, quyết định, bằng khen, giấy khen, đề tài, đề án hoặc sản phẩm được ứng dụng trong giáo dục, giảng dạy học sinh và tài liệu có liên quan thì minh chứng là xác nhận của cơ quan sử dụng giáo viên về năng lực của giáo viên đáp ứng các tiêu chuẩn, tiêu chí đó.

- Tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp phải bình đẳng, công khai, minh bạch, khách quan và đúng quy định của pháp luật.

II. NỘI DUNG

1. Đối tượng, tiêu chuẩn, điều kiện, hồ sơ xét thăng hạng

1.1. Đối tượng: Giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục (sau đây gọi tắt là giáo viên) đang làm nhiệm vụ giảng dạy, giáo dục trong trường mầm non và đã được xếp hạng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên ở hạng liền kề theo cấp dự xét tuyển:

- Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non từ hạng IV lên hạng III: Giáo viên mầm non đang giữ chức danh nghề nghiệp hạng IV.

- Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non từ hạng III lên hạng II: Giáo viên mầm non đang giữ chức danh nghề nghiệp hạng III.

1.2. Điều kiện, tiêu chuẩn:

Giáo viên dự thăng hạng chức danh nghề nghiệp phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện sau:

a) Cơ sở giáo dục có nhu cầu về vị trí việc làm của chức danh nghề nghiệp ở hạng đăng ký dự xét và được cấp có thẩm quyền cử tham dự kỳ xét thăng hạng.

b) Được cấp có thẩm quyền đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong thời gian 03 (ba) năm liên tục gần nhất tính đến thời điểm nộp hồ sơ, có phẩm chất và đạo đức nghề nghiệp; không trong thời gian bị thi hành kỷ luật hoặc đã có thông báo về việc xem xét xử lý kỷ luật của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền;

c) Có đủ tiêu chuẩn của chức danh nghề nghiệp giáo viên của hạng dự xét theo quy định tại các Thông tư liên tịch của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn, chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở, tiểu học, mầm non, cụ thể:

- Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non từ hạng IV lên hạng III: Có đủ tiêu chuẩn của chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hạng III theo quy định tại Điều 5, Thông tư liên tịch số 20/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 14/9/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non công lập.

- Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non từ hạng III lên hạng II: Có đủ tiêu chuẩn của chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hạng III theo quy định tại Điều 4, Thông tư liên tịch số 20/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 14/9/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non công lập.

1.3. Số lượng và hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp

a) Số lượng dự xét thăng hạng: 109 người.

+ Từ Hạng IV lên III: 67 người;

+ Từ Hạng III lên II: 42 người.

b) Đối với giáo viên dự xét thăng hạng

- Đơn đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;

- Bản sơ yếu lý lịch của viên chức theo Mẫu số 2 ban hành kèm theo Thông tư hợp nhất số 06/VBHN-BNV ngày 03/7/2019 của Bộ Nội vụ quy định về CDNN và thay đổi CDNN đối với viên chức, có xác nhận của cơ quan sử dụng hoặc quản lý viên chức;

- Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu cơ quan sử dụng viên chức không giữ chức vụ quản lý hoặc của người đứng đầu cơ quan, tổ chức có thẩm quyền bổ nhiệm viên chức quản lý;

- Bản sao văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp đăng ký dự thi hoặc xét được cơ quan có thẩm quyền chứng thực;

- Các yêu cầu khác theo quy định về tiêu chuẩn của hạng chức danh nghề nghiệp mà viên chức dự thi hoặc xét thăng hạng.

- Các hồ sơ minh chứng theo các tiêu chí chấm điểm quy định tại phụ lục đính kèm Thông báo này.

c) Đối với đơn vị trường học

Tổng hợp hồ sơ của giáo viên đăng ký dự xét và kiểm tra tính hợp lệ của các hồ sơ. Lập danh sách đăng ký theo từng đơn vị kèm báo cáo danh mục vị trí việc làm, cơ cấu chức danh nghề nghiệp và thực trạng chất lượng đội ngũ viên chức hiện có của đơn vị (theo mẫu đính kèm). Hồ sơ được sắp xếp theo thứ tự từng tiêu chí và minh chứng cụ thể như thang điểm đính kèm. Hồ sơ được gửi về phòng Giáo dục và Đào tạo theo thời gian do phòng Giáo dục và Đào tạo quy định.

d) Đối với phòng Giáo dục và Đào tạo

Tổng hợp hồ sơ của các đơn vị đăng ký dự xét thăng hạng và tiến hành chấm thẩm định hồ sơ của giáo viên. Kết quả chấm thẩm định được tổng hợp theo mẫu đính kèm.

Tổng hợp theo từng hạng về số người hiện có, số cơ cấu, số còn thiếu, danh sách đủ điều kiện đăng ký dự xét thăng hạng, phiếu chấm thẩm định và bảng tổng hợp kết quả chấm thẩm định, báo cáo chất lượng đội ngũ tại các đơn vị: tất cả đều có ký duyệt của phòng Giáo dục và Đào tạo. Riêng danh sách đủ điều kiện dự xét thăng hạng phải được Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt.

Hồ sơ được gửi về Sở Giáo dục và Đào tạo để tổng hợp trình Hội đồng xét thăng hạng.

đ) Đối với Sở Giáo dục và Đào tạo

Tổng hợp hồ sơ của các phòng Giáo dục và Đào tạo và gửi đến Hội đồng xét thăng hạng CDNN theo từng cấp học.

Tham mưu thực hiện công tác xét thăng hạng theo quy định.

2. Nội dung, hình thức, cách tính điểm và xác định người được thăng hạng chức danh nghề nghiệp

2.1. Nội dung và hình thức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp

- Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non từ hạng IV lên hạng III: Thông qua việc xét và chấm điểm hồ sơ theo quy định tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên của hạng dự xét.

- Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non từ hạng III lên hạng II: Thông qua việc xét và chấm điểm hồ sơ kết hợp với sát hạch theo quy định tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên của hạng dự xét.

2.2. Cách tính điểm hồ sơ xét thăng hạng

Hồ sơ xét thăng hạng được chấm theo thang điểm 100. Tổng điểm của hồ sơ xét thăng hạng bao gồm điểm chấm hồ sơ và điểm tăng thêm. Không làm tròn số khi cộng điểm. Cụ thể theo từng nhóm tiêu chí như sau:

- Nhóm tiêu chí 1: Đánh giá về khả năng thực hiện nhiệm vụ của giáo viên ở hạng đề nghị xét: 05 điểm;

- Nhóm tiêu chí 2: Về tiêu chuẩn trình độ đào tạo, bồi dưỡng: 20 điểm;

- Nhóm tiêu chí 3: Về tiêu chuẩn năng lực chuyên môn, nghiệp vụ: 75 điểm;

- Quy định điểm chi tiết của từng tiêu chí tại phụ lục kèm theo Thông tư số 28/2017/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 11 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định tiêu chuẩn, điều kiện, nội dung, hình thức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, phổ thông công lập. Cụ thể theo phụ lục đính kèm.

2.3. Điểm tăng thêm:

a) Điểm tăng thêm được thực hiện đối với những trường hợp sau: Có trình độ đào tạo, trình độ ngoại ngữ, tin học cao hơn so với quy định của hạng (tính vào điểm của nhóm tiêu chí 2); có thành tích được tặng bằng khen từ cấp tỉnh (Bằng khen do UBND tỉnh cấp), Bộ trở lên; giấy chứng nhận chiến sĩ thi đua cấp cao hơn so với quy định của hạng; giáo viên có học sinh đoạt giải cấp tỉnh, cấp quốc gia trong cuộc thi do ngành Giáo dục tổ chức (không tính các cuộc thi do các cơ quan, đơn vị ngoài ngành Giáo dục tổ chức), giáo viên có học sinh trong đội tuyển học sinh dự thi khoa học kỹ thuật, văn hóa, thể thao khu vực Đông Nam Á, Châu Á Thái Bình Dương, quốc tế và giáo viên có học sinh đoạt giải khoa học kỹ thuật, văn hóa, thể thao khu vực Đông Nam Á, Châu Á Thái Bình Dương, quốc tế (tính vào điểm của nhóm tiêu chí 3);

b) Điểm tăng thêm tính cho mỗi minh chứng của tiêu chuẩn, tiêu chí do Hội đồng xét thăng hạng quy định nhưng không vượt quá 5,0 điểm. Đối với những tiêu chuẩn, tiêu chí có nhiều minh chứng để tính điểm tăng thêm thì chỉ tính điểm tăng thêm cho minh chứng có giá trị cao nhất.

2.4. Giáo viên mầm non hạng III dự xét thăng hạng lên hạng II khi điểm hồ sơ đạt 100 điểm trở lên thì được tham gia sát hạch. Những giáo viên không được tham gia sát hạch được thông báo không đủ điều kiện để tiếp tục xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

2.5. Đối với những trường hợp được miễn xét tin học, ngoại ngữ tại Mục 4 vẫn được tính điểm theo số điểm quy định của tiêu chuẩn, tiêu chí đó để bảo

đảm tổng điểm hồ sơ là 100 điểm. Việc sát hạch được thực hiện thông qua hình thức làm bài khảo sát:

- Bài khảo sát được thực hiện thông qua làm bài trắc nghiệm. Thời lượng làm bài khảo sát không quá 45 phút;
- Nội dung khảo sát liên quan đến nhiệm vụ của giáo viên mầm non hạng II và các quy định có liên quan đối với viên chức.
- Điểm sát hạch chấm theo thang điểm 20, không làm tròn số khi cộng điểm.

3. Xác định người được thăng hạng chức danh nghề nghiệp và thông báo kết quả

3.1. Người được thăng hạng chức danh nghề nghiệp trong kỳ xét thăng hạng phải có đủ các điều kiện sau đây:

- Có đủ hồ sơ kèm theo các minh chứng theo quy định;
- Kết quả được xét bằng điểm chấm hồ sơ phải đạt 100 điểm trở lên (kể cả điểm cộng thêm vào mỗi nhóm tiêu chí). Trong đó, điểm của mỗi nhóm tiêu chí phải đạt tối thiểu theo quy định tại Mục 2.2 của Thông báo này.
- Các trường hợp có tham gia sát hạch, điểm sát hạch phải đạt tối thiểu 10/20 điểm.

3.2. Kết quả xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên được thông báo tới cá nhân, đơn vị tham dự kỳ xét chậm nhất sau 15 ngày làm việc, tính từ thời điểm hoàn thành kỳ xét thăng hạng.

3.3. Giáo viên không được thăng hạng trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên lần này không được bảo lưu kết quả cho kỳ xét thăng hạng lần sau.

4. Trường hợp miễn xét trình độ ngoại ngữ và tin học trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên

Giáo viên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2020 có tuổi đời từ đủ 55 tuổi trở lên đối với nam và từ đủ 50 tuổi trở lên đối với nữ thì được miễn xét trình độ ngoại ngữ, tin học theo quy định của hạng chức danh nghề nghiệp. Trong trường hợp giáo viên thuộc diện miễn xét trình độ ngoại ngữ, tin học có trình độ ngoại ngữ, tin học cao hơn so với quy định tối thiểu của hạng thì vẫn được xét để tính điểm tăng thêm.

5. Lệ phí đăng ký dự xét thăng hạng

Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 228/2016/TT- BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng viên chức.

Mỗi giáo viên dự xét thăng hạng nộp lệ phí 600.000 đồng. Trường hợp xin phúc khảo, mỗi giáo viên nộp lệ phí 150.000 đồng.

6. Địa điểm, thời gian tổ chức kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp:

- Địa điểm nhận hồ sơ và tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp: Sở Giáo dục và Đào tạo, số 12 Lê Triệu Kiết, phường Mỹ Bình, TP. Long Xuyên, An Giang.

- Thời gian nhận hồ sơ từ ngày ra thông báo đến hết ngày 09/12/2020. Hồ sơ được nộp trực tiếp trong ngày làm việc, buổi sáng từ 07 giờ 30 đến 10 giờ 30, buổi chiều từ 13 giờ 30 đến 16 giờ 30 hoặc gửi qua đường bưu điện.

* Giao cho các Phòng GDĐT tổ chức nhận hồ sơ từ các đơn vị và tổng hợp thực hiện các biểu mẫu theo quy định gửi về Sở Giáo dục và Đào tạo trình Hội đồng xét thăng hạng.

Trên đây là Thông báo tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non tỉnh An Giang năm 2020. Các nội dung có liên quan đến công tác xét thăng hạng CDNN sẽ được đăng công khai trên Cổng thông tin điện tử và niêm yết công khai tại Sở Giáo dục và Đào tạo. Nếu có vấn đề gì chưa rõ, xin phản ánh về Sở GDĐT (Phòng Tổ chức cán bộ) số điện thoại 02963.857795 để được giải thích, tư vấn thêm./.

Nơi nhận:

- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Chánh Văn phòng UBND tỉnh;
- Các Sở: Nội vụ, Giáo dục và Đào tạo;
- Website Sở GDĐT;
- Lưu: Hội đồng xét thăng hạng CDNN.

**TM. HỘI ĐỒNG
CHỦ TỊCH**

**GIÁM ĐỐC SỞ GDĐT
Trần Thị Ngọc Diễm**

PHỤ LỤC
HƯỚNG DẪN MINH CHỨNG VÀ CHẤM ĐIỂM HỒ SƠ XÉT THĂNG
HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP GIÁO VIÊN
MẦM NON CÔNG LẬP

(Ban hành kèm theo Thông tư số: 28/2017/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 11 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

C. Hướng dẫn minh chứng và chấm điểm hồ sơ xét giáo viên mầm non

Hạng II

1. Nhiệm vụ (5,0 điểm)

Bao gồm bản nhận xét của đại diện ban giám hiệu, tổ chuyên môn, các tổ chức đoàn thể trong trường có xác nhận của hiệu trưởng hoặc các minh chứng (nếu có) dự báo về khả năng thực hiện được các nhiệm vụ của hạng II.

a) Tham gia biên tập hoặc biên soạn nội dung tài liệu bồi dưỡng giáo viên mầm non cấp huyện trở lên (2 điểm);

b) Tham gia bồi dưỡng chuyên môn cho giáo viên cấp trường trở lên (2 điểm);

c) Tham gia ban giám khảo các hội thi, đánh giá sáng kiến kinh nghiệm của cấp học Mầm non cấp huyện trở lên (0,5 điểm);

d) Tham gia đoàn đánh giá ngoài, thanh tra, kiểm tra chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm từ cấp huyện trở lên (0,5 điểm).

2. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng (20 điểm):

Bao gồm các minh chứng được quy định dưới đây và các minh chứng khác (nếu có) để tính điểm tăng thêm.

a) Bằng tốt nghiệp đại học sư phạm mầm non trở lên (5 điểm);

b) Chứng chỉ trình độ ngoại ngữ bậc 2 theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc chứng chỉ tiếng dân tộc đối với những vị trí việc làm yêu cầu sử dụng tiếng dân tộc (5 điểm);

c) Chứng chỉ trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin (5 điểm);

d) Có chứng chỉ bồi dưỡng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hạng II (5 điểm).

3. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ (75 điểm)

Bao gồm các minh chứng được quy định dưới đây và các minh chứng khác (nếu có) để tính điểm tăng thêm.

a) Biên bản ghi ý kiến của đại diện ban giám hiệu, tổ chuyên môn, các tổ chức đoàn thể trong trường nhận xét, đánh giá từng tiêu chí có xác nhận của hiệu trưởng và các minh chứng (nếu có) như các sản phẩm nghiên cứu, bài soạn, tài liệu liên quan về các nội dung sau: (55 điểm)

Chủ động tuyên truyền và vận động đồng nghiệp thực hiện chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật, các quy định và yêu cầu của Đảng, Nhà nước, ngành và địa phương về giáo dục mầm non (5 điểm);

Thực hiện sáng tạo, linh hoạt chương trình giáo dục mầm non; hướng dẫn được đồng nghiệp thực hiện chương trình, kế hoạch giáo dục mầm non (30 điểm);

Tích cực chủ động phối hợp có hiệu quả với đồng nghiệp, cha mẹ trẻ và cộng đồng trong công tác chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ (20 điểm);

b) Giấy chứng nhận chiến sĩ thi đua cấp cơ sở hoặc giáo viên dạy giỏi từ cấp huyện trở lên (15 điểm);

c) Quyết định bổ nhiệm vào hạng (trước đây là ngạch) hoặc các minh chứng khác để xác nhận của hiệu trưởng về thời gian công tác giữ chức danh giáo viên mầm non hạng III hoặc tương đương từ đủ 6 (sáu) năm trở lên, trong đó thời gian giữ chức danh giáo viên mầm non hạng III từ đủ 01 (một) năm và thời gian tốt nghiệp đại học sư phạm mầm non trước khi thi hoặc xét thăng hạng từ đủ 01 (một) năm trở lên (5 điểm).

Hạng III

1. Nhiệm vụ (5,0 điểm)

Bao gồm bản nhận xét của đại diện ban giám hiệu, tổ chuyên môn, các tổ chức đoàn thể trong trường có xác nhận của hiệu trưởng hoặc các minh chứng (nếu có) dự báo về khả năng thực hiện được các nhiệm vụ của hạng III.

a) Làm báo cáo viên hoặc dạy minh họa tại các lớp bồi dưỡng giáo viên mầm non cấp trường trở lên; hướng dẫn đồng nghiệp thực hiện chương trình và các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ (2 điểm);

b) Đề xuất các nội dung bồi dưỡng và sinh hoạt chuyên đề ở tổ (khối) chuyên môn (2 điểm);

c) Tham gia ban giám khảo các hội thi, đánh giá sáng kiến kinh nghiệm của cấp học mầm non cấp trường trở lên (0,5 điểm);

d) Tham gia đoàn đánh giá ngoài, thanh tra, kiểm tra chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm cấp trường trở lên; tham gia hướng dẫn, đánh giá thực tập sư phạm của sinh viên nếu có (0,5 điểm).

2. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng (20 điểm)

Bao gồm các minh chứng được quy định dưới đây và các minh chứng khác (nếu có) để tính điểm tăng thêm.

a) Bằng tốt nghiệp cao đẳng sư phạm mầm non trở lên (5 điểm);

b) Chứng chỉ trình độ ngoại ngữ bậc 2 theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc chứng chỉ tiếng dân tộc đối với những vị trí việc làm yêu cầu sử dụng tiếng dân tộc (5 điểm);

c) Chứng chỉ trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin (5 điểm);

d) Có chứng chỉ bồi dưỡng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hạng III (5 điểm).

3. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ (75 điểm)

Bao gồm các minh chứng được quy định dưới đây và các minh chứng khác (nếu có) để tính điểm tăng thêm.

a) Biên bản ghi ý kiến của đại diện ban giám hiệu, tổ chuyên môn, các tổ chức đoàn thể trong trường nhận xét, đánh giá từng tiêu chí và các minh chứng (nếu có) như các sản phẩm nghiên cứu, bài soạn, tài liệu liên quan về các nội dung sau: (55 điểm)

Nắm vững chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật, các quy định và yêu cầu của Đảng, Nhà nước, ngành và địa phương về giáo dục mầm non (5 điểm);

Thực hiện có hiệu quả chương trình giáo dục mầm non (30 điểm);

Chủ động tổ chức và phối hợp với đồng nghiệp, cha mẹ trẻ và cộng đồng trong công tác chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ (20 điểm);

b) Giấy chứng nhận chiến sĩ thi đua cấp cơ sở hoặc giáo viên dạy giỏi cấp trường trở lên (15 điểm);

c) Quyết định bổ nhiệm vào hạng (trước đây là ngạch) hoặc các minh chứng khác để xác nhận của hiệu trưởng thời gian công tác giữ chức danh giáo viên mầm non hạng IV hoặc tương đương từ đủ 3 (ba) năm trở lên, trong đó thời gian giữ chức danh giáo viên mầm non hạng IV từ đủ 01 (một) năm và tốt nghiệp cao đẳng sư phạm mầm non trước khi thi hoặc xét thăng hạng từ đủ 01 (một) năm trở lên (5 điểm).

HỘI ĐỒNG XÉT THĂNG HẠNG CDNN